

Số: /2026/TT-BNV
(Dự thảo 10/8/2026)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức; Hướng dẫn việc xếp lương đối với viên chức khi thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013, Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn việc xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức; hướng dẫn việc xếp lương đối với viên chức khi thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Việc xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

(sau đây viết tắt là Nghị định số 259/2026/NĐ-CP).

b) Việc xếp lương đối với viên chức khi thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Viên chức quy định tại Điều 1 Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

b) Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức theo quy định.

Điều 2. Nguyên tắc xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức

1. Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm ở bậc nghề nghiệp nào thì được xếp hưởng mức lương khởi điểm của bậc nghề nghiệp đó.

2. Thời gian công tác làm căn cứ xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức (sau đây gọi là Thời gian công tác làm căn cứ xếp lương) là tổng thời gian công tác của người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với người được tuyển dụng vào làm viên chức: Phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, được bố trí làm công việc theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm.

b) Đối với người được tiếp nhận vào làm viên chức: Phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm được tiếp nhận.

c) Chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng căn cứ Thời gian công tác làm căn cứ xếp lương quy định tại khoản 2 Điều này để xem xét, quyết định xếp vào bậc lương phù hợp ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng; xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tiếp nhận.

Điều 3. Xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức đang xếp lương theo các bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước

1. Xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức đang xếp lương theo các bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước (Bảng 2, Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013, Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP).

2. Trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm có cùng hệ số bậc lương đang hưởng thì xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cũ hoặc ở ngạch cũ) sang hệ số bậc lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm viên chức được tuyển dụng. Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận.

3. Trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm có hệ số bậc lương khác với hệ số bậc lương đang hưởng

a) Trường hợp chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: Căn cứ vào hệ số lương đang hưởng để xếp vào hệ số lương gần nhất (cao hơn hoặc thấp hơn) ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm viên chức được xếp. Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận; thời gian xét nâng bậc lần sau được tính như sau:

a1) Đối với trường hợp xếp vào hệ số lương cao hơn gần nhất: Nếu chênh lệch giữa hệ số lương mới được xếp so với hệ số lương đã hưởng bằng hoặc lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cũ hoặc ở ngạch cũ thì được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận; nếu nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cũ hoặc ở ngạch cũ thì được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cũ hoặc ở ngạch cũ.

a2) Đối với trường hợp xếp vào hệ số lương thấp hơn gần nhất: Được tính

kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cũ hoặc ở ngạch cũ.

b) Trường hợp đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: Căn cứ vào tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng để xếp vào hệ số lương gần nhất (cao hơn hoặc thấp hơn) ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được xếp. Thời gian hưởng lương mới được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính như quy định tại điểm c khoản này.

c) Trường hợp có hệ số lương đang hưởng hoặc có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng trong bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được xếp thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng trong bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được xếp và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương hoặc tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng. Thời gian hưởng lương mới (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu) và thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung được tính kể từ ngày ký quyết định xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận. Hệ số chênh lệch bảo lưu (tính tròn số sau dấu phẩy 02 số) được hưởng trong suốt thời gian xếp bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm viên chức. Sau đó, nếu viên chức tiếp tục được thay đổi bậc nghề nghiệp từ thấp lên cao của vị trí việc làm hoặc thay đổi sang vị trí việc làm có bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cao hơn bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương đang hưởng để xếp lương vào bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm mới đó và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày được xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm mới đó.

Điều 4. Xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức đang xếp lương theo cấp bậc quân hàm, cấp bậc hàm thuộc lực lượng vũ trang, cấp hàm cơ yếu, quân nhân chuyên nghiệp, sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an, người làm công tác cơ yếu xếp lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu

Sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang xếp lương cấp bậc quân hàm, cấp bậc hàm và người làm công tác cơ yếu xếp lương cấp hàm cơ yếu hoặc quân nhân chuyên nghiệp, sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an và người làm công tác cơ yếu xếp lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu khi được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức thì việc xếp lương tương ứng theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 6, khoản 7

Mục III Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước.

Điều 5. Xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức có thời gian được xếp lương theo các bảng lương quy định của nhà nước, sau đó chuyển công tác ra khu vực tư

1. Trường hợp đã xếp lương theo các bảng lương quy định của nhà nước, sau đó chuyển công tác ra khu vực tư (chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ) và có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì việc xếp lương tương ứng với từng trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức.

2. Căn cứ vào hệ số lương tại thời điểm chuyển công tác ra khu vực tư thực hiện việc chuyển xếp theo quy định tại Điều 3 Nghị định này và thời gian công tác sau khi chuyển ra công tác ở khu vực tư, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm tuyển dụng, tiếp nhận được tính sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) đối với trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm xếp lương từ loại A0 trở lên hoặc sau mỗi khoảng thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) đối với trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm xếp lương loại B được xếp lên 01 bậc lương hoặc hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); số tháng chưa đủ 36 tháng (đối với viên chức xếp lương từ loại A0 trở lên) hoặc chưa đủ 24 tháng (đối với viên chức xếp lương loại B) còn lại được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận.

Điều 6. Xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức chưa xếp lương theo bảng lương do nhà nước quy định

1. Trường hợp có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định này. Việc xếp lương ở bậc nghề nghiệp của

vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận được thực hiện theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các cơ quan nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

2. Trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm có yêu cầu về thời gian kinh nghiệm công tác thì phải trừ số thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tương ứng với số thời gian kinh nghiệm công tác theo quy định của vị trí việc làm tuyển dụng, tiếp nhận.

3. Trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm không yêu cầu về thời gian kinh nghiệm công tác thì không phải trừ số thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tương ứng theo quy định.

4. Căn cứ vào tổng thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng xác định phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận, sau khi thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, thời gian còn lại làm căn cứ để xếp lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận như sau: Tính từ bậc 1 của nhóm, loại lương được xếp theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, sau mỗi khoảng thời gian 03 năm (đủ 36 tháng) đối với trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm xếp lương từ loại A0 trở lên hoặc sau mỗi khoảng thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) đối với trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm xếp lương loại B được xếp lên 01 bậc lương hoặc hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); số tháng chưa đủ 36 tháng (đối với viên chức xếp lương từ loại A0 trở lên) hoặc chưa đủ 24 tháng (đối với viên chức xếp lương loại B) còn lại được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận.

Điều 7. Xếp lương viên chức khi thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm từ thấp lên cao

1. Xếp lương viên chức khi thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm từ thấp lên cao quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP

2. Căn cứ vào hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng để xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm mới;

3. Trường hợp có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm hiện giữ lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng của bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm tương ứng với vị trí việc làm mới thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm tương ứng với bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng.

Điều 8. Xếp lương viên chức khi thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm từ cao xuống thấp

1. Xếp lương viên chức khi thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm từ cao xuống thấp quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP.

2. Trường hợp viên chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo kết quả theo dõi, đánh giá thường xuyên hoặc xếp loại chất lượng không hoàn thành nhiệm vụ theo kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm thì căn cứ vào bậc lương đã giữ ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm thấp hơn tương ứng với vị trí việc làm mới và thời gian hưởng lương ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cao hơn so với bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm tương ứng với vị trí việc làm mới để xếp lương ở vị trí việc làm mới.

3. Trường hợp công chức có đơn tự nguyện thay đổi vị trí việc làm và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì xếp lương theo quy định tại khoản 2 Điều này và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng.

Điều 9. Xếp lương đối với viên chức khi thay đổi vị trí việc làm

1. Trường hợp viên chức thay đổi sang vị trí việc làm khác mà bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm mới được bố trí và bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cũ có cùng hệ số lương thì thực hiện xếp lương theo khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Trường hợp viên chức thay đổi sang vị trí việc làm khác mà bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm mới được bố trí có hệ số lương cao hơn hệ số lương của bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cũ thì thực hiện xếp lương theo khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Trường hợp viên chức thay đổi sang vị trí việc làm khác mà bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm mới được bố trí có hệ số lương thấp hơn hệ số lương

của bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm cũ thì thực hiện xếp lương theo khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp quyết định tiếp nhận, tuyển dụng viên chức được ban hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 trở về sau thì thời gian hưởng lương được tính kể từ ngày có quyết định xếp lương khi tuyển dụng, tiếp nhận của cấp có thẩm quyền.

2. Không áp dụng việc xếp lương theo Thông tư này đối với các trường hợp đang là viên chức được xét chuyển hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó; trường hợp hết hiệu lực thì các quy định tương ứng tại Thông tư này hết hiệu lực.

3. Các quy định sau hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

a) Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức.

b) Quy định về viên chức tại Thông tư 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý khi xếp lương viên chức phải thực hiện đúng quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban Đảng ở Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Cục TL&BHXH().

BỘ TRƯỞNG